

Bản án số: 424/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2023
V/v: “T/c về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Hà

bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị T2 – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022; về tranh chấp “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 24/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 88/TB-TA ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 375/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023. Tuyên án vào ngày 18 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: ông Trần Quang M, sinh năm 1969; địa chỉ:, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: ông Đặng Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ:, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Ông Đặng Minh C, sinh năm 1974; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ:, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bà Đặng Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1961; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bà Đặng Thị Bạch T1, sinh năm 1963; địa chỉ:, Phường C, quận G Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bà Đặng Thúy P, sinh năm 1968; địa chỉ:, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị N3, sinh năm 1971; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1968; địa chỉ:, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- ông Vương Trung T2, sinh năm 1984; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1955; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- Ông Trần Văn N3, sinh năm 1955; địa chỉ:, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022, bản tự khai, các phiên làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: cha và mẹ ông Đ là cụ Đặng Văn L1, chết năm 2003 (có giấy chứng tử) và cụ Lê Thị B, chết năm 2021 (có giấy chứng tử), ông, bà nội ngoại của ông Đ đều đã chết từ lâu. Cụ L1 và cụ B có 09 người con chung là các ông, bà: Đặng Văn Đ, Đặng Văn T, Đặng Minh C, Đặng Văn Q, Đặng Thị M, Đặng Thị N, Đặng Thị Bạch T1, Đặng Thúy P, Đặng Thị N3 L.

Năm 1990, cụ L1 được xí nghiệp may X28 – Tổng cục Hậu cần quân đội cấp 01 nền đất diện tích 67,3 m² tại địa chỉ, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đó gia đình gặp nhiều khó khăn nên cha mẹ vận động ông Đ bỏ tiền ra để xây nhà giữ đất, ông Đ đã đưa tiền cho cha để xây toàn bộ căn nhà với diện tích sàn là 230,5 m² với tổng chi phí xây dựng là 32 lượng vàng SJS, tương đương tạm tính là 2.240.000.000 đồng.

Năm 2003, cụ L1 chết, ông Đ đại diện cho mẹ đi hợp thức hóa nhà và khai trình thừa kế, nhưng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp buộc phải mua lại 25 m² đất (là phần lấn thêm) nếu không mua thì chỉ được công nhận 48,3 m², ông Đ cũng bỏ ra 36.000.000 đồng, tương đương 4,5 lượng (giá theo quy định của nhà nước) để mua thêm 25 m² đất, hiện đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất là 73,3 m².

Khoảng năm 1999-2000, do nhà chật chội nên cha, mẹ ông Đ có nói với ông Đ chi tiền mua nhà để cho gia đình ông T ra ở riêng, xem như đã cho ông T phần ông T sẽ được thừa kế nếu sau này cha, mẹ chết. Ông Đ đã bỏ ra số tiền 185.000.000 đồng (thời điểm đó tương đương với 30 lượng vàng SJC) để mua căn nhà tại địa chỉ 252/20/25B Phạm Văn Chiêu, Khu phố 4, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T.

Ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án là chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất tại địa chỉ:, Phường 10, quận Gò Vấp có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, chủ sở hữu có Hồ sơ gốc sổ: do Ủy ban

nhân dân quận Gò Vấp cấp cho ông Đặng Văn L1, bà Lê Thị B ngày 19 tháng 12 năm 2003 (sau đây gọi tắt là nhà 1063). Ông Đ yêu cầu di sản thừa kế nêu trên sẽ được định giá theo quy định của pháp luật, sau khi có kết quả định giá, ông Đ xin được nhận toàn bộ giá trị xây dựng cộng với giá trị quyền sử dụng đất của 25 m² đất mà ông Đ đã bỏ tiền ra mua khi đi hợp thức hóa nhà. Phần còn lại là giá trị 48.3 m² sẽ chia đều cho các đồng thừa kế.

Vì là chia thừa kế, nên việc mua nhà cho ông T có liên quan đến cha mẹ khi còn sống, nên ông Đ yêu cầu định giá căn nhà tại địa chỉ:, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T, bà N1 (sau đây gọi tắt là nhà 252) và ông Đ yêu cầu ông T trả toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất theo Biên bản, kết luận định giá. Nếu ông T đồng ý trả lại toàn bộ nhà đất trên cho ông Đ thì ông Đ cũng đồng ý nhận nhà và đất.

Ý kiến của các đương sự về việc chia thừa kế:

Ông T trình bày: ông T yêu cầu ông Đ phải cung cấp chứng cứ về việc bỏ tiền ra để xây căn nhà 1063 và mua thêm 25 m² tại địa chỉ này khi đi hợp thức hóa nhà. Ông T không đồng ý việc trả lại ông Đ và tiền xây nhà và mua thêm 25 m² trong việc tạo lập tài sản thừa kế là nhà 1063.

Đối với yêu cầu của ông Đ về việc đòi lại căn nhà 252 mà ông T, bà N1 đang đứng tên chủ sở hữu với lý do trước đây ông Đ đã bỏ tiền ra mua căn nhà này. Ông T yêu cầu ông Đ có chứng cứ chứng minh được việc này thì ông T mới chấp nhận trả nhà cho ông Đ.

Bà M, bà T1, bà N đều xác định ông Đ có bỏ tiền ra để xây căn nhà 1063 và mua thêm 25 m² tại địa chỉ này khi đi hợp thức hóa nhà và ông Đ có bỏ tiền ra mua nhà 252 cho ông T. Bà M đồng ý với việc trả lại ông Đ số tiền mà ông Đ đã đóng góp để tạo lập tài sản thừa kế là nhà 1063. Bà T1, bà N yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Ông T, bà M, bà N, bà T1 đồng ý với việc bán nhà 1063 để chia thừa kế bằng tiền.

Ông Q không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án.

Ông C không đồng ý với việc bán nhà 1063 để chia thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

1. Về nội dung: đối với nhà 1063, ông Đ yêu cầu di sản thừa kế như đã nêu trên. Tại phiên toà ngày 18/4/2023, chỉ có các ông, bà là Đặng Thị M, Đặng Thị N, Đặng Văn Q, Đặng Thị Bạch T1, Đặng Thúy P, Đặng Thị N3 L đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Riêng ông Đặng Văn T và ông Đặng Minh C không đồng ý với yêu cầu của ông Đ và yêu cầu được chia thừa kế thành 09 phần bằng nhau.

Ông Đ không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho việc mình đã bỏ tiền ra để xây nhà 1063 và mua thêm 25m² đất như ông Đ đã trình bày.

Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất 1063 cho các đồng thừa kế thành các phần bằng nhau.

Không chấp nhận yêu cầu ông Đ xin được nhận toàn bộ giá trị xây dựng

cộng với giá trị quyền sử dụng đất của 25 m² đất mà ông Đ đã bỏ tiền ra mua khi đi hợp thức hóa nhà và mua thêm 25 m² đất, phần còn lại là 48.3 m² sẽ chia đều cho các đồng thừa kế.

Đối với yêu cầu ông T trả toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản gắn liền với đất mà ông Đ đã bỏ tiền ra mua trước đây là 2.100.000.000 đồng. Nếu ông T đồng ý trả lại toàn bộ nhà đất trên cho ông Đ thì ông Đ cũng đồng ý nhận nhà và đất.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc mình đã đứng ra bỏ tiền để mua nhà cho ông T.

Không xác định được chính xác việc người làm chứng có mặt tại thời điểm giao dịch mua nhà của ông T hay không.

Người bán nhà cho ông T không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ việc, không có ý kiến trình bày về vấn đề này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ nghe nói chứ không trực tiếp có mặt tại thời điểm giao dịch mua nhà cũng như không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Bởi các lẽ nêu trên,

- Căn cứ quy định tại các Điều 650, 651 BLDS 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí.

Đề nghị HĐXX tuyên: chấp nhận một phần yêu cầu khởi của nguyên đơn, cụ thể: chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà 1063 cho các đồng thừa kế thành các phần bằng nhau.

Không chấp nhận yêu cầu ông Đ xin được nhận toàn bộ giá trị xây dựng cộng với giá trị quyền sử dụng đất của 25 m² đất theo Biên bản, kết luận định giá nhà 1063, phần còn lại là 48.3 m² sẽ chia đều cho các đồng thừa kế.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với việc ông T phải trả lại nhà đất hoặc giá trị tiền theo Biên bản, kết luận định giá nhà 252.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đ khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản, Q hệ tranh chấp này là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, đối tượng tranh chấp là bất động sản cũng tọa lạc tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Bà P, bà N1, ông T2 vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa này.

Người làm chứng vắng mặt, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T3, ông N3 tại phiên tòa này.

[2] Về nội dung:

Xác định di sản thừa kế, người thừa kế:

Xét nguồn gốc nhà đất: căn cứ Quyết định số: 40/QĐCĐ ngày 24/12/1990 của Tổng cục Hậu cần – Xí nghiệp may 28 thì ông Đặng Văn L1 được cấp diện tích đất 67,2 m² thuộc lô số, Phường M, quận Gò Vấp và Công văn số 3294/CNGV ngày 02/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh quận Gò Vấp thì nhà đất tại địa chỉ: Phường M, quận G theo Giấy chứng nhận số ngày 19/12/2003 do UBND quận Gò Vấp cấp thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 42 do bà Lê Thị B và ông Đặng Văn L1 đứng tên (sau đây gọi tắt là nhà 1063). Như vậy, nhà 1063 thuộc sở hữu hợp pháp của cụ Đặng Văn L1 và cụ Lê Thị B.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã xác minh tình trạng pháp lý của nhà 1063 thì được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số: 3294/CNGV ngày 02/12/2022 phúc đáp như sau: *“Theo hồ sơ hiện hành đang lưu trữ, thể hiện: Nhà đất tại địa chỉ số 1039 đường Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 42 do bà Lê Thị B và ông Đặng Văn L1 (chết 2003) đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 19360/2003 ngày 19 tháng 12 năm 2003 do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp.*

- Qua kiểm tra cơ sở dữ liệu hiện có, không thấy thể hiện thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm và đăng ký biến động chủ sở hữu đối với nhà đất nêu trên.”

Căn cứ giấy chứng tử số 00046 (bản sao), quyền số 01/2003 của UBND Phường 10, quận Gò Vấp thì cụ Đặng Văn L1, sinh năm: 1939 đã chết vào ngày 15/5/2003.

Căn cứ Trích lục khai tử (bản sao) số: 463/TLKT-BS ngày 08/8/2021 thì cụ Lê Thị B, sinh năm 1934 đã chết ngày 08/8/2021.

Hội đồng xét xử xác định nhà 1063 là di sản thừa kế của cụ L1, cụ B.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì cha, mẹ đẻ của cụ L1, cụ B đều đã chết, cụ L1, cụ B không có cha, mẹ nuôi, con nuôi. Như vậy, theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của di sản thừa kế của cụ L1, cụ B chỉ có các con đẻ, là những người sau: ông Đ, ông T, ông C, bà M, bà N, ông Q, bà T1, bà P, bà L.

Cụ L1, cụ B không để lại di chúc về việc định đoạt đối với nhà 1063.

Theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nhà 1063 là di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

Căn cứ Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015, các đương sự không thỏa thuận về người quản lý di sản, nên Hội đồng xét xử không xét việc hưởng thù lao của người quản lý di sản.

Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 14/9/2022 của Hội đồng định giá thì di sản này có giá trị phần xây dựng: 238.933.243 đồng; giá trị quyền sử dụng đất của 01 m² là 165.000.000 đồng, giá trị quyền sử dụng đất của toàn bộ quyền sử dụng đất đã được công nhận là: 12.094.500.000 đồng; giá trị nhà và đất:

238.933.243 đ +12.094.500.000 đ = 12.333.433.000 đ (mười hai tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Đ chỉ đưa ra được bản chụp Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; Ký hiệu: AQ/2003; Số: 0038916, ngày (không rõ), nhưng người nộp tiền là bà Lê Thị B, người ký nộp tiền là ông Đặng Văn Đ, nhưng cũng không thể xác định được nguồn tiền này là của ai? Cho nên không thể chứng minh cho việc ông Đ đã bỏ tiền ra để mua thêm 25m² đất như ông Đ đã trình bày. Ông Đ cũng không cung cấp được các chứng từ chi cho việc xây dựng căn nhà 1063, nên Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở xem xét yêu cầu trả tiền như trên của ông Đ.

Ông Đ yêu cầu đòi căn nhà 252, nhưng do ông T không đồng ý trả nhà và ông Đ không đưa ra được chứng cứ xác thực nào về việc ông Đ mua nhà cho ông T. Bà N1 là vợ của ông T, hiện là đồng sở hữu nhà 252, trong bản tự khai ngày 12/10/2022 tại Tòa án thì bà N1 có khai: *“Tôi không biết tiền mua nhà này ở đâu, tôi chỉ nghe ba chồng là ông Đặng Văn L1 nói với anh T là đi coi nhà, cái nào được, anh Đ mua cho, còn cuối cùng là tiền của ai mua. Chỉ biết như thế. Ngoài ra tôi không biết gì thêm. Tôi đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.”* Người làm chứng là ông Trần Văn N3, là con rể của cụ L1, cụ B trong bản tự khai tại Tòa án ngày 08/7/2022, có khai: *“Tôi chứng kiến ông Đặng Văn L1 và ông Đặng Văn Đ chồng tiền mua nhà cho ông Đặng Văn T – địa chỉ: 252/20/25B Phạm Văn Chiêu, Khu phố 4, Phường 9, quận Gò Vấp. Tôi có chứng kiến việc ông Đ có đưa 150.000.000 đồng cho ba tôi là ông L1 để trả tiền mua nhà cho ông T.”* Người làm chứng là ông Bùi Văn T3, là con rể của cụ L1, cụ B trong bản tự khai tại Tòa án ngày 08/7/2022, có khai: *“Về sự tranh chấp tài sản giữa ông Đặng Văn Đ và ông Đặng Văn T, tôi không rõ về việc mua bán hoặc cho tặng, mà tôi chỉ nghe ông Đặng Văn L1 và ông Đặng Văn Đ mua cho ông Đặng Văn T”*. Như vậy, theo lời khai của bà N1, ông N3, ông T3 thì cũng chưa phải là chứng cứ xác thực về việc ông Đ chi tiền để mua nhà 252 cho ông T, việc mua để trừ vào tiền nếu sau này ông T được thừa kế hay là mua để tặng, cho ông T cũng không rõ ràng, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613; Điều 614; Điều 617; Điều 618; Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất:

Nhà và đất tại địa chỉ số:., Phường M, quận G theo Giấy chứng nhận số: ngày 19/12/2003 do UBND quận G cấp thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 42 do bà Lê Thị B và ông Đặng Văn L1 đứng tên (gọi tắt là nhà 1063) là di sản thừa kế trong vụ án này.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 14/9/2022 của Hội đồng định giá thì số tiền 12.333.433.000 đồng là giá trị di sản thừa kế là nhà 1063, được chia đều cho những người được hưởng di sản là: ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn T, ông Đặng Minh C, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị Bạch T1, bà Đặng Thúy P, bà Đặng Thị N3 L, mỗi người được nhận số tiền là 1.370.381.444 đ (một tỷ ba trăm B mươi triệu ba trăm tám mươi một ngàn

bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Đương sự có quyền yêu cầu Cơ Q thi hành án có thẩm quyền được phát mãi nhà và đất tại địa chỉ số 1039 đường Phan Văn Trị, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc chia thừa kế nêu trên. Những người đang ở, đang thuê căn nhà trên phải di dời người và tài sản của mình ra khỏi nhà khi có yêu cầu của Cơ Q thi hành án có thẩm quyền.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ xin được nhận toàn bộ giá trị xây dựng cộng với giá trị quyền sử dụng đất của 25 m² đất mà ông Đ đã bỏ tiền ra mua khi đi hợp thức hóa căn nhà 1063 và yêu cầu đòi căn nhà tại địa chỉ: 252/20/25B Phạm Văn Chiêu, Khu phố 4, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T, bà N1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn T, ông Đặng Minh C, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị Bạch T1, bà Đặng Thúy P, bà Đặng Thị N3 L, mỗi người phải chịu là 53.111.443 đồng là án phí do được nhận di sản thừa kế, ngoài ra ông Đ phải chịu án phí về yêu cầu không được chấp nhận, nhưng ông Đ có đơn xin miễn án phí nên ông Đ được miễn toàn bộ án phí. Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị Bạch T1 là những người đã trên 60 tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí. Ông Đặng Văn T có yêu cầu miễn án phí, nhưng ông T không thuộc đối tượng được miễn án phí theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nên ông T không được miễn án phí.

Về chi phí tố tụng khác: ông Đ đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà số 1063, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự được nhận giá trị tài sản từ việc chia thừa kế nhà 1063 đều phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản mà họ được chia, nên ông Đ, ông T, ông C, bà M, bà N, ông Q, bà T1, bà P, bà L mỗi người phải chịu là 1.666.667 đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi B đồng), do ông Đ đã chi tổng số 15.000.000 đồng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá nhà 1063, nên ông T, ông C, bà M, bà N, ông Q, bà T1, bà P, bà L mỗi người phải trả số tiền là 1.666.667 đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi B đồng) cho ông Đ.

Ông Đ đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà 252, nhưng ông Đ không được chấp nhận yêu cầu trả nhà 252, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 259, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 638, 616, 617, 618, 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Nhà và đất tại địa chỉ số:., Phường M, quận G theo Giấy chứng nhận số: ngày 19/12/2003 do UBND quận G cấp thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 42 do bà Lê Thị B và ông Đặng Văn L1 đứng tên (gọi tắt là nhà 1063) là di sản thừa kế trong vụ án này.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 14/9/2022 của Hội đồng định giá thì số tiền 12.333.433.000 đồng là giá trị di sản thừa kế là nhà 1063, được chia đều cho những người được hưởng di sản là: ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn T, ông Đặng Minh C, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị Bạch T1, bà Đặng Thúy P, bà Đặng Thị N3 L, mỗi người được nhận số tiền là 1.370.381.444 đ (một tỷ ba trăm B mươi triệu ba trăm tám mươi một ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền được phát mãi nhà và đất tại địa chỉ số:., Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc chia thừa kế nêu trên. Những người đang ở, đang thuê căn nhà trên phải di dời người và tài sản của mình ra khỏi nhà khi có yêu cầu của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ xin được nhận toàn bộ giá trị xây dựng cộng với giá trị quyền sử dụng đất của 25 m² đất mà ông Đ đã bỏ tiền ra mua khi đi hợp thức hóa căn nhà 1063 và yêu cầu đòi căn nhà tại địa chỉ:., Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T, bà N1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Văn Đ, Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị N, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị Bạch T1 được miễn toàn bộ án phí vì là người cao tuổi có yêu cầu được miễn án phí.

Ông Đặng Văn T, ông Đặng Minh C, bà Đặng Thúy P, bà Đặng Thị N3 L, mỗi người phải chịu là 53.111.443 đ (năm mươi ba triệu một trăm mười một ngàn bốn trăm bốn mươi ba đồng) là án phí do được nhận di sản thừa kế.

Về chi phí tố tụng khác: ông Đ đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà số 1063, nên ông T, ông C, bà M, bà N, ông Q, bà T1, bà P, bà L mỗi người phải trả số tiền là 1.666.667 đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi B đồng) cho ông Đ.

Ông Đ đã chi tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) cho việc định giá tài sản đối với nhà số 252, nhưng ông Đ không được chấp nhận yêu cầu trả nhà 252, nên ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí này.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N1 thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn